

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10.9

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2012

Hà đông, tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần Sông Đà 10.9

Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Sông Đà 10.9
- Giấy phép kinh doanh số: 0500467988 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 30/08/2011.
- Vốn điều lệ (tại thời điểm ngày 31/12/2012): 18.600.000.000 đồng (Mười tám tỷ, sáu trăm triệu đồng).
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 35.740.688.304 đồng (Ba mươi năm tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, ba trăm linh bốn đồng).
- Địa chỉ : Lô 15, liền kề 14, khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại : 043. 3544168
- Số fax : 043. 3547399
- Website: songda109.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 tiền thân là Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phương Đông, do các cán bộ công nhân viên của Công ty CP Sông Đà 10 sáng lập. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ban đầu số 0303000309 ngày 29/06/2005 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, thủy lợi, khai thác đất đá, gia cố hầm mỏ, đồng thời tìm kiếm các cơ hội đầu tư ở nhiều lĩnh vực khác có hiệu quả và được sự đồng thuận của cổ đông.

Tháng 10/2007, Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phương Đông chính thức tiếp nhận nguồn vốn góp 30% VDL từ Công ty CP Sông Đà 10 và đổi tên thành Công ty CP Sông Đà 10 - Phương Đông theo ĐKKD thay đổi lần 4 ngày 09/11/2007.

Tháng 3/2010, Công ty CP Sông Đà 10 - Phương Đông tiếp tục đổi tên thành Công ty CP Sông Đà 10.9 theo ĐKKD số 0500467988 thay đổi lần 8 ngày 26/3/2010. Tháng 6/2011, Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo ĐKKD thay đổi lần 10 ngày 30/08/2011.

Với đội ngũ gồm 185 cán bộ, kỹ sư, công nhân lành nghề có kiến thức chuyên môn và giàu kinh nghiệm Công ty CP Sông Đà 10.9 đáp ứng được tất cả các yêu cầu đa dạng của khách hàng theo ngành nghề kinh doanh của Công ty và khẳng định vị thế, khả năng, uy tín của mình trong sự cạnh tranh của nền kinh tế thị trường hiện nay.

Bảng 01: Quá trình tăng Vốn điều lệ:

Thời điểm tăng vốn	Hình thức phát hành	Số chứng khoán phát hành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Tổng vốn điều lệ (tỷ đồng)
Khi thành lập	Do 4 cổ đông sáng lập góp			2.500.000.000
Tháng 6/2006	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	27.500	100.000	5.250.000.000
Tháng 10/2007	Phát hành riêng lẻ	475.000	10.000	10.000.000.000
Tháng 3/2009	Phát hành riêng lẻ cho: - Cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10:2) - Công ty cổ phần Sông Đà 10	200.000 50.000	10.000 11.000	12.500.000.000
Tháng 9/2009	Phát hành riêng lẻ	100.000	10.000	13.500.000.000

Tháng 01/2010	Phát hành riêng lẻ cho: - Cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10:1) - Cổ đông chiến lược	135.000 65.000	10.000 11.000	15.500.000.000
Tháng 06/2011	Trả cổ tức bằng cổ phiếu - Cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 20%)	310.000	10.000	18.600.000.000

Nguồn: Công ty CP Sông Đà 10.9

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35 KV trở xuống;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Lắp đặt trang thiết bị nội thất cho các công trình;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Mua bán vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Mua bán phương tiện vận tải cơ giới chuyên dùng chở hàng hóa, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng trong thi công xây dựng và phục vụ thi công xây dựng, thiết bị phụ tùng cơ giới, cơ khí và công nghệ xây dựng;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Khai thác mỏ than, đá, khai thác và thu gom quặng kim loại đen, quặng kim loại màu (Trừ quặng nhà nước cấm);
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

+ Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh khu vực miền Bắc và miền Trung.

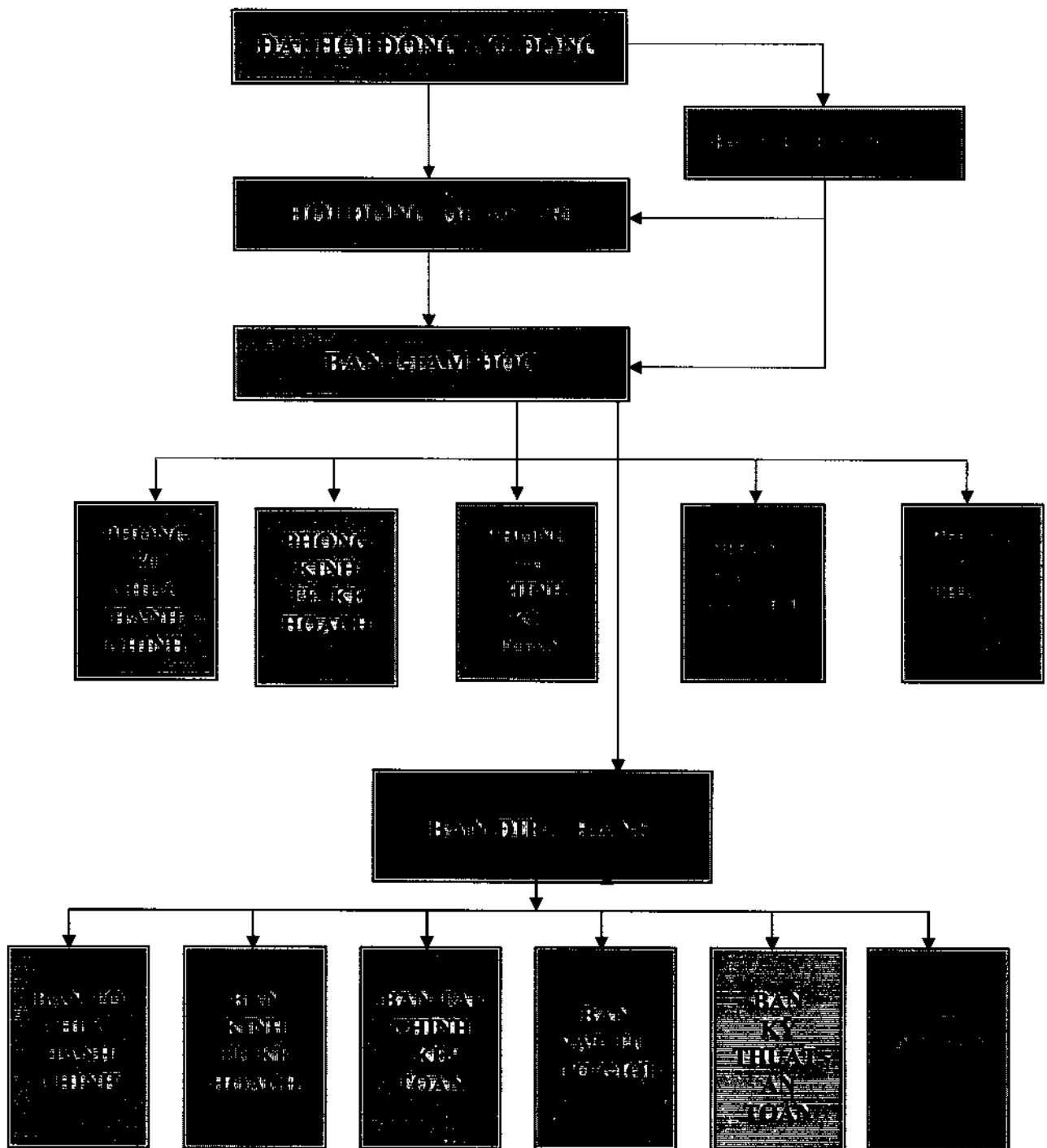
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng chức năng, Ban điều hành tại công trường, các ban chức năng và các đội

đốc và các phòng chức năng, Ban điều hành tại công trường, các ban chức năng và các đội sản xuất.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Hội đồng quản trị có 5 thành viên gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên, Ban kiểm soát có 3 thành viên gồm 01 trưởng ban kiểm soát và các thành viên, Ban giám đốc có 3 thành viên gồm 1 Giám đốc Công ty và các Phó giám đốc Công ty.

Bảng 2: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Sông Đà 10.9



- Các Công ty con, Công ty liên kết: không có

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Xây dựng và phát triển Công ty một cách toàn diện, với mục tiêu ngành nghề truyền thống là xây lắp công trình thủy điện, thủy lợi, sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác mỏ.

+ Từng bước phát triển các ngành nghề và sản phẩm mới: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm điện năng, các công trình hạ tầng; quản lý kinh doanh bất động sản,...

+ Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh và không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, đảm bảo mức tăng trưởng lợi nhuận và cổ tức.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Đầu tư phát triển mở rộng thị trường tại các thành phố lớn và các địa phương đã thiết lập được quan hệ; tăng cường mở rộng các hình thức hợp tác liên doanh, liên kết với các đơn vị có tiềm lực tài chính.

+ Hoàn thiện mô hình quản lý tiên tiến từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nghiệp vụ năng động, có năng lực và trình độ cao, phát triển toàn diện và có uy tín trên thị trường.

+ Tích cực chuẩn bị và tham gia vào các dự án trọng điểm của Tổng công ty Sông Đà và Công ty CP Sông Đà 10, tham gia thị trường bất động sản, đầu tư tài chính vào các công ty có tiềm lực đem lại hiệu quả và lĩnh vực ngành nghề có hiệu quả như: Vật liệu xây dựng, các khu công nghiệp.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường công tác hạch toán sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất và chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

+ Nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần cho cán bộ công nhân viên Công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

+ Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người lao động.

6. Các rủi ro

a. Rủi ro tài chính:

- Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

b. Rủi ro về lãi suất:

- Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

c. Rủi ro về giá hàng hóa:

- Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

d. Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh toán và rủi ro lãi suất nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo duy trì một nguồn thanh toán đáp ứng tính thanh khoản ngắn và dài hạn.

e. Rủi ro thanh khoản

- Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu để tạo ra trong thời kỳ đó.....

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bảng 3: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.639.462.649	68.353.489.597

2. Các khoản giảm trừ	653.119.782	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	87.986.342.867	68.353.489.597
4. Giá vốn hàng bán	70.608.520.687	53.447.324.348
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	17.377.822.180	14.906.165.249
6. Doanh thu hoạt động tài chính	72.484.884	21.907.793
7. Chi phí tài chính	902.901.354	1.597.022.600
- Trong đó: Chi phí lãi vay:	902.901.354	1.597.022.600
8. Chi phí bán hàng	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.462.583.809	3.175.363.889
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động k.doanh	12.084.821.901	10.155.686.553
11. Thu nhập khác	189.551.258	931.737.540
12. Chi phí khác	111.421.800	52.945.517
13. Lợi nhuận khác	78.129.458	878.792.023
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.162.951.359	11.034.478.576
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.128.516.488	1.931.033.751
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	10.034.434.871	9.103.444.825
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.395	5.339

Bảng 4: Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	%TH/KH 2012
-----------	--------------------	-------------------	--------------------	-------------

1. Tổng doanh thu thuần	68.353	74.428	87.986	118,2
2. Lợi nhuận trước thuế	11.034	11.218	12.162	108,4
3. Lợi nhuận sau thuế	9.103	9.255	10.034	108,4
4. Thu nhập bình quân	6,319	7,125	7,352	103,2
5. Mức trả cổ tức	20	20	20	100

Năm 2012 có nhiều yếu tố không thuận lợi tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng Công ty cổ phần sông đà 10.9 đã tích cực phấn đấu khắc phục khó khăn, thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế tài chính mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Tổng doanh thu năm 2012 đạt 87,986 tỷ đồng tăng 28,72% so với năm 2011. Lợi nhuận trước thuế đạt 12,162 tỷ đồng tăng 10,22% so với năm 2011. Thu nhập bình quân của người lao động là 7,352 triệu đồng/người/tháng. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ đạt 65,39%.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành Công ty:

+ Ông Nguyễn Văn Bắc: Giám đốc Công ty kiêm Chủ tịch HĐQT

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 15/08/1967
3. Nơi sinh: Xuân Phú – Xuân Trường – Nam Định
4. Quê quán: Xuân Phú – Xuân Trường – Nam Định
5. Dân tộc: Kinh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú: VT3 Biệt thự 1 - Khu đô thị Xa La - Phúc La - Hà Đông - Hà Nội.
8. Chứng minh nhân dân số: 162714658 cấp ngày 17/06/2005 tại CA Nam Định
9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22407818
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư MXD- Cử nhân kinh tế
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994 - 1996	XN cơ khí lắp máy – Công ty CP Sông Đà 10 - thủy điện YALy – Gia Lai	Kỹ thuật
1996 – 2000	XN cơ khí lắp máy – Công ty CP Sông Đà 10 - thủy điện YALy – Gia Lai	Trưởng ban kinh tế
2000 – 2003	XN Sông Đà 10.2	Trưởng ban kinh tế
2003 – 2007	XN Sông Đà 10.2 - Công ty CP Sông Đà 10 - Liên Chiêu - Đà Nẵng	Phó giám đốc
2007 - đến nay	Công ty CP Sông Đà 10.9	Giám đốc Công ty

13. Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 36.000 cổ phần
14. Đại diện phần vốn của Công ty CP Sông Đà 10: 541.200 cổ phần
15. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
17. Những người có liên quan: 0 cổ phần

+ Ông Tăng Bá Thành: Phó Giám đốc Công ty

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 08/02/1968
3. Nơi sinh: Thanh Lang - Nam Thanh - Hải Dương
4. Quê quán: Thanh Lang - Nam Thanh - Hải Dương
5. Dân tộc: Kinh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú: Phường Tân Hoà - TP Hoà Bình - Hoà Bình
8. Chứng minh nhân dân số: 113423902 cấp ngày 25/10/2007 tại CA Hoà Bình
9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0433.544168
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng công trình ngầm và mỏ
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1999 – 2001	Công ty Sông Đà 10	Kỹ thuật
2001 - 2004	Công ty Sông Đà 10	Khu trưởng
8/2004 - 2007	Công ty Sông Đà 10	Phó phòng kỹ thuật

- 2. Ngày sinh: 27/07/1975
- 3. Nơi sinh: Nam Thắng - Nam Trực - Nam Định
- 4. Quê quán: Nam Thắng - Nam Trực - Nam Định
- 5. Dân tộc: Kinh
- 6. Quốc tịch: Việt Nam
- 7. Địa chỉ thường trú: Phòng 408 - CT 2B - Đô Thị Xa La - Hà Đông - Hà Nội
- 8. Chứng minh nhân dân số: 017214172 cấp ngày 20/10/2010 tại CA Hà Nội
- 9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.33115694
- 10. Trình độ văn hoá: 12/12
- 11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- 12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
4/1997- 6/1998	Xí nghiệp gia công cơ khí - Công ty Sông đà 10, công trình thủy điện Yaly , H.Chu Páh, T.Gia Lai	Nhân viên
7/1998-12/2000	Công ty Sông đà 10, công trình thủy điện Yaly , H.Chu Páh, T.Gia Lai	Nhân viên
1/2001-7/2003	Công ty Sông đà 10 - P. Hoà Hiệp, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Nhân viên
8/2003 - 2/2008	Xí nghiệp Sông đà 10.2 - Cty CP Sông đà 10	Phó kế toán trưởng
3/2008 - 4/2011	Công ty CP Sông Đà 10.9	Phó kế toán trưởng
5/2011 - đến nay	Công ty CP Sông Đà 10.9	Kế toán trưởng

- 13. Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 7.440 cổ phần
- 14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- 15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- 16. Những người có liên quan: 0 cổ phần

+ Ông Phạm Viết Tiệp: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch kiêm Thành viên HĐQT

- 1. Giới tính: Nam
- 2. Ngày sinh: 04/11/1979
- 3. Nơi sinh: Xuân Tân – Xuân Trường – Nam Định

- 4. Quê quán: Xuân Tân – Xuân Trường – Nam Định
- 5. Dân tộc: Kinh
- 6. Quốc tịch: Việt Nam
- 7. Địa chỉ thường trú: Xuân Tân – Xuân Trường – Nam Định
- 8. Chứng minh nhân dân số: 017317093, cấp ngày 06/08/2011 tại CA Hà Nội
- 9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.2207818
- 10. Trình độ văn hoá: 12/12
- 11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thuỷ lợi
- 12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/2003 – 11/2008	Xí nghiệp Sông Đà 10.2 – Công ty CP Sông Đà 10	Phó phòng Kinh tế kế hoạch
11/2008 – đến nay	Công ty CP Sông Đà 10.9	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch

- 13. Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 20.040 cổ phần
- 14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- 15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- 16. Những người có liên quan: 0 cổ phần

+ Ông Đào Văn Thặng: Trưởng phòng Vật tư cơ giới kiêm Thành viên BKS

- 1. Giới tính: Nam
- 2. Ngày sinh: 20/04/1979
- 3. Nơi sinh: Hà Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương
- 4. Quê quán: Hà Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương
- 5. Dân tộc: Kinh
- 6. Quốc tịch: Việt Nam
- 7. Địa chỉ thường trú: Hà Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương
- 8. Chứng minh nhân dân số: 141846585 cấp ngày 22/05/1995 tại CA Hải Hưng
- 9. Số điện thoại liên lạc: 0935226779
- 10. Trình độ văn hoá: 12/12
- 11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện xây dựng – Cử nhân kinh tế
- 12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
8/2002 – 4/2008	Xí nghiệp Sông Đà 10.2 – Công ty CP Sông Đà 10	Cán bộ kỹ thuật
4/2008 - đến nay	Công ty CP Sông Đà 10.9	Trưởng phòng vật tư – cơ giới

13. Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 15.840 cổ phần

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

16. Những người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động làm việc cho Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012 là: 185 người.

Trong đó: - Đại học: 26 người

- Cao đẳng và trung học chuyên nghiệp: 14 người

- Công nhân kỹ thuật: 145 người.

+ Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty nhằm gia tăng về chất.
- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.

- Chính sách, chế độ cụ thể đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án thì cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm và tự nguyện làm thêm giờ, Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thoả đáng.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên sẽ được cộng thêm 01 ngày phép.
- Nghỉ ốm, thai sản: Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo quy định, đây là phần BHXH trả thay lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 05 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên. Công ty áp dụng chế độ định kỳ khám kiểm tra sức khỏe tổng hợp cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty mỗi năm 1 lần.

b. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học chuyên ngành có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.
- Chính sách thu hút nhân tài: Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một

mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

- Đào tạo: Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Cán bộ công nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm, cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a, Các khoản đầu tư lớn:

+ Tình hình đầu tư: Trong năm 2012 Công ty cổ phần sông đà 10.9 đã đầu tư 02 lô đất với tổng diện tích 154,8m² tại Khu đô thị đại Thanh - Thanh Trì - Hà Nội để xây dựng trụ sở văn phòng Công ty.

+ Tình hình thực hiện một số dự án lớn:

**DỰ ÁN THI CÔNG PHẦN BÊ TÔNG HÀM NGANG DẪN NƯỚC,
THÁP ĐIỀU ÁP DỰ ÁN THUY ĐIỆN NẬM MỎ**

☛ Công trình: Công trình thủy điện Nậm Mỏ

☛ Địa điểm: Xã Khoen On, Than Uyên, Lai Châu

☛ Phạm vi công việc: Thi công phần bê tông hàm ngang dẫn nước, tháp điều áp, hàm phụ

☛ Tổng giá trị gói thầu: 18 tỷ đồng

☛ Thời gian thực hiện: Theo tiến độ thiết kế của chủ đầu tư

☛ Căn cứ pháp lý: Hợp đồng kinh tế số 01NM3/2010/HĐKT ngày 26/08/2010 giữa Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mờ với Công ty cổ phần Sông Đà 10, giấy uỷ quyền số 165/SĐ10/KTKH ngày 26/08/2010 của Công ty cổ phần Sông Đà 10 về việc uỷ quyền cho Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 thực hiện hợp đồng thi công công trình thủy điện Nậm Mờ 3.

DỰ ÁN THI CÔNG PHẦN HỒ MÓNG VAI PHẢI CÔNG TRÌNH DẪN DÒNG DỰ ÁN THỦY ĐIỆN LAI CHÂU

☛ Công trình: Công trình thủy điện Lai Châu

☛ Địa điểm: Huyện Mường Tè, Tỉnh Lai Châu

☛ Phạm vi công việc: Thi công hạng mục hồ móng vai phải công trình dẫn dòng: khoan nổ đá từ cao độ 290 đến cao độ thiết kế và từ mặt cắt DIII-380 đến mặt cắt DIII - 80.

☛ Tổng giá trị gói thầu: 37,6 tỷ đồng

☛ Thời gian thực hiện: Theo tiến độ thiết kế của chủ đầu tư

☛ Căn cứ pháp lý: Hợp đồng kinh tế số 139/SĐ10-SĐ10.9 ngày 22/07/2011 giữa Công ty cổ phần Sông Đà 10 với Công ty cổ phần Sông Đà 10.9.

DỰ ÁN THI CÔNG HẠNG MỤC HÀM VH1 VÀ THÁP ĐIỀU ÁP THƯỢNG LƯU CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN HUỘI QUẢNG

☛ Công trình: Công trình thủy điện Huội Quảng

☛ Địa điểm: Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La

☛ Phạm vi công việc: Thi công hạng mục hàm VH1 và tháp điều áp thượng lưu công trình thủy điện Huội Quảng

☛ Tổng giá trị gói thầu: 190 tỷ đồng

☛ Thời gian thực hiện: Theo tiến độ thiết kế của chủ đầu tư

☛ Căn cứ pháp lý: Hợp đồng kinh tế số 01/SĐ10-SĐ10.9 ngày 05/05/2011 giữa Công ty cổ phần Sông Đà 10 với Công ty cổ phần Sông Đà 10.9, giấy uỷ quyền ngày 06/05/2011 của Công ty cổ phần Sông Đà 10 về việc uỷ quyền cho Công ty cổ phần Sông Đà

10.9 trực tiếp nghiệm thu, thanh toán và xuất hoá đơn GTGT cho Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng.

❖ ***Biện pháp triển khai cụ thể***

+ ***Giải pháp sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp***

- Tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất trong toàn công ty, đối với các mục tiêu, nhiệm vụ trọng điểm thực hiện việc phân công cụ thể cho các đồng chí trong Ban lãnh đạo Công ty phụ trách.
- Kiện toàn và xây dựng các quy chế phân cấp, quản lý để không ngừng nâng cao công tác quản lý mọi mặt đồng thời phát huy cao độ năng lực tự chủ, sáng tạo của mọi đơn vị, mọi phòng ban phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của từng công trình, từng dự án.
- Kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy điều hành và quản lý của Công ty. Sắp xếp bộ máy Công ty và các Ban điều hành phụ thuộc theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Xây dựng và phát triển nguồn lực con người đảm bảo đủ về số lượng với trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cao, có năng lực quản lý, sáng tạo và chủ động trong việc nắm bắt các ứng dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại đảm bảo chất lượng hiệu quả công việc và thu nhập cao.
- Thành lập các Ban quản lý dự án khi tiến hành thực hiện đầu tư tại một số địa bàn mới nhằm tập trung chỉ đạo điều hành trong triển khai thực hiện dự án một cách hiệu quả.
- Thực hiện công tác định biên triệt để từ phòng ban Công ty tới các Ban điều hành phụ thuộc trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và phân loại cán bộ công nhân viên để sắp xếp kiện toàn bộ máy quản lý và có biện pháp giải quyết lực lượng dôi dư.
- Sử dụng hệ thống thông tin trực tuyến qua mạng để kịp thời chỉ đạo sản xuất kinh doanh đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

+ ***Giải pháp về công tác đầu tư:***

- Tập trung mọi biện pháp để hoàn thành đúng tiến độ các công trình đang thực hiện để bàn giao cho Chủ Đầu tư nhằm đảm bảo uy tín của đơn vị.

- Phát triển mở rộng thị trường xúc tiến tìm kiếm các dự án tại các các tỉnh Tây bắc có nhiều dự án thủy điện, thủy lợi như Huội Quảng, Lai châu, Hà giang... và các tỉnh miền trung tây nguyên.
 - Hợp tác đầu tư với các đơn vị kinh doanh có thế mạnh trong việc khai thác tìm kiếm các dự án, có khả năng về nguồn vốn kinh doanh... để thực hiện đầu tư dự án một cách có hiệu quả nhất.
 - Đầu tư đổi mới, hiện đại hóa trang thiết bị công nghệ, trang thiết bị quản lý đặc biệt là công nghệ thông tin phục vụ công việc đảm bảo tiếp cận nhanh nhất với các thành tựu khoa học công nghệ mới.
- + Giải pháp về công tác quản lý tiến độ, chất lượng và an toàn lao động:**
- Ban hành các quy định về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý thiết kế tổ chức thi công. Tổ chức giám sát chặt chẽ công tác thi công xây lắp các công trình, dự án.
 - Xây dựng và củng cố bộ máy cán bộ quản lý kỹ thuật thống nhất từ Công ty đến các Ban điều hành.
 - Xây dựng biện pháp và quy định về bảo hộ và an toàn vệ sinh lao động của các đội thi công xây lắp tại các công trình.
 - Tổ chức đào tạo, tham quan, thực tập nhằm nâng cao trình độ và kinh nghiệm cho cán bộ kỹ thuật.
- + Giải pháp về công tác Kinh tế - Kế hoạch:**
- Xây dựng và ban hành các chế tài thưởng, phạt đảm bảo nghiêm minh trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
 - Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh gắn liền với các chỉ tiêu Tài chính - Kế toán và Lao động - Tiền lương để nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các Ban điều hành đối với nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.
 - Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác kế hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn.
 - Thực hiện công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác kinh tế (hợp đồng, đơn giá, thanh quyết toán, đấu thầu...) để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót và tồn tại.

- Nắm vững các cơ chế, chính sách tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các luật mới ban hành và sửa đổi như luật đất đai, luật xây dựng, luật Doanh nghiệp, luật lao động, luật bảo hiểm...

+ Giải pháp về công tác quản lý tài chính:

- Hoàn thiện Quy chế quản lý tài chính của Công ty đảm bảo thích ứng với từng thời kỳ phát triển.
- Thực hiện phân cấp quản lý tài chính, tạo sự chủ động tối đa cho các Ban điều hành phụ thuộc nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đơn vị.
- Thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty tham gia vào thị trường chứng khoán; Nghiên cứu đầu tư tài chính vào một số đơn vị và lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả nhằm từng bước đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm và hạn chế rủi ro đầu tư.
- Xây dựng các biện pháp quản lý vốn, huy động vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng vốn cho các dự án. Xây dựng quy chế quản lý và công khai các khoản chi về quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, các khoản chi phí tiếp khách, hội nghị, giao dịch đối ngoại...

+ Giải pháp xây dựng và phát triển nguồn lực con người

- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ Công ty và các đơn vị thành viên đặc biệt là đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt và cán bộ kế cận về kiến thức quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh,... để phù hợp với cung cách tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tình hình mới của Công ty.
- Xây dựng chế độ đãi ngộ, khuyến khích cán bộ công nhân viên được cử kèm cặp và cử đi đào tạo. Thực hiện tốt công tác kèm cặp đào tạo tại chỗ cho cán bộ, kỹ sư, cử nhân kinh tế, nhân viên nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị thành viên.
- Bố trí sắp xếp lại lực lượng công nhân cho phù hợp với công việc theo năng lực và cấp bậc công việc, xây dựng kế hoạch đào tạo lại, có biện pháp kiên quyết xử lý lực lượng lao động không có tay nghề và không phù hợp với yêu cầu công việc.

- Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ cụ thể đối với từng chức danh quản lý, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh; đào tạo hệ thống ngành nghề có đủ trình độ và có bằng cấp chứng chỉ.

Thực hiện tốt việc tổ chức thi tuyển theo tiêu chuẩn, tuyển chọn những cán bộ có trình độ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty .

b, Công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9: Không có

+ Công ty liên kết: Cổ phần Sông Đà 10 là Công ty liên kết, hiện đang nắm giữ 541.200 cổ phần, tương đương 29,09% VDL của Công ty

Một số thông tin cơ bản về Công ty cổ phần Sông Đà 10:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Sông Đà 10

- Giấy CNĐKKD: Số 0103010419, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2005 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

- Địa chỉ trụ sở: Tầng 10-11 khu B, toà nhà HH4 Sông đà Holdings đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 043.7683998 Fax: 043.7683997

- Vốn điều lệ: 210.600.000.000 đồng (Hai trăm mười tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn)

- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng các công trình ngầm và dịch vụ dưới lòng đất; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và xây dựng công trình khác; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình công cộng, nhà ở; Khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; Tư vấn xây dựng; Trang trí nội thất; Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; cấu kiện bê tông; Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng; Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng; Kinh doanh và xuất nhập khẩu: Phương tiện vận tải cơ giới chuyên dùng: chở hàng hoá, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng trong thi công xây dựng và phục vụ thi công xây dựng có trọng tải đến 40 tấn; Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, kinh doanh điện thương phẩm; Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân; Xây dựng các khu công nghiệp, cảng biển; Kinh doanh bất động sản.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Bảng 5: Tình hình tài chính trong năm 2011 và 2012

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Biến động
Tổng giá trị tài sản	77.205.315.318	82.498.877.962	+6,86 %
Doanh thu thuần	68.353.489.597	87.986.342.867	+28,72 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.155.686.553	12.084.821.901	+19,00 %
Lợi nhuận khác	878.792.023	78.129.458	- 91,11 %
Lợi nhuận trước thuế	11.034.478.576	12.162.951.359	+10,23 %
Lợi nhuận sau thuế	9.103.444.825	10.034.434.871	+10,23 %

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2011, năm 2012 của Công ty

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 06 : Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ ngắn hạn)	lần	1,468	1,359
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLD – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	0,110	0,095
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,595	0,567
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,469	1,308
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng TKBQ)	lần	2,854	3,413

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,885	1,067	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,32	11,40	
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	29,11	28,08	
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,79	12,16	
+ Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	16,14	13,82	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần của Công ty đến ngày 31/12/2012 là: 1.860.000 cổ phần
- Cổ phần đang lưu hành là cổ phần phổ thông
- Toàn bộ số cổ phần đang lưu hành của Công ty đều là cổ phần tự do chuyên nhượng

b. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2012

Bảng 07: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2012

Loại cổ đông	Số cổ phần	Số trong cổ phần	Cơ cấu vốn đầu tư		
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần
1. Nhà nước	0				
2. Tổ chức	02	556.920	5.569.200.000	29,94	Phổ thông
3. Cá nhân trong công ty	43	189.000	1.890.000.000	10,16	Phổ thông
4. Cá nhân ngoài công ty	52	1.114.080	11.140.800.000	59,90	Phổ thông
Tổng cộng	97	1.860.000	18.600.000.000	100	Phổ thông

Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 31/12/2012 của Công ty

Bảng 08: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Năm tài chính		2011	2012	2013
1	Công ty cổ phần Sông Đà 10	29,09	541.200	5.412
Tổng cộng		29,09	541.200	5.412

Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 31/12/2012 của Công ty

- c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm 2012, Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 không thực hiện đợt tăng vốn nào.
- d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có
- e. **Các chứng khoán khác:** Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng quan về hoạt động của Công ty:

Được sự chỉ đạo tích cực của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt việc điều hành hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện đúng các định hướng sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Đảm bảo điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty.

Trong năm 2012, Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, bảo toàn và phát triển vốn được giao, đời sống của cán bộ công nhân viên được đảm bảo, đơn vị đoàn kết ổn định và tuyệt đối an toàn về mọi mặt.

Chất lượng, kỹ mỹ thuật công trình được đảm bảo, giữ vững tín nhiệm đối với Chủ đầu tư.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Công ty luôn chủ động, tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường trên tất cả các ngành nghề kinh doanh đồng thời được Công ty cổ phần Sông Đà 10 là Công ty liên kết tin tưởng giao cho

nhiều phần việc tại các công trình trọng điểm, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế tài chính mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, thu nhập của người lao động được đảm bảo.

Công tác kế hoạch đã được thực hiện linh hoạt và chủ động, sát với thực tế. Kế hoạch hàng tháng, quý, năm đều được rà soát và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận.

Công tác quản lý chi phí nguyên vật liệu, tiền lương và chi phí nhân công được tăng cường, phòng kinh tế kế hoạch đã chủ động kiểm soát chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công tại các công trình, các bộ phận trên cơ sở xây dựng định mức nội bộ đối với từng công trình, hạng mục công trình. Việc chi trả lương cho CBCNV trong Công ty được gắn liền với năng lực và hiệu quả công việc thông qua việc xây dựng và áp dụng quy chế trả lương của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản.

Trong năm, việc quản lý tài sản nhằm tăng tính hiệu quả được trú trọng, hàng tồn kho, nợ phải thu chiếm tỷ trọng thấp, mọi nguồn vốn đều được đưa vào sử dụng, vòng quay sử dụng cao đã làm gia tăng hiệu quả chung.

Tài sản dài hạn trong năm không có biến động đáng kể, nợ xấu không phát sinh.

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại:

Bảng 9: Nợ phải trả

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
Nợ phải trả	45.939.927.915	46.758.189.658
I. Nợ ngắn hạn	41.521.209.667	45.526.831.258
1. Vay và nợ ngắn hạn	3.077.771.875	2.000.000.000
2. Phải trả người bán	7.689.968.378	8.374.688.201
3. Người mua trả tiền trước	9.000.000.000	14.750.338.345
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.511.213.177	11.330.768.194
5. Phải trả người lao động	5.769.385.188	5.016.210.548

6. Chi phí phải trả	2.425.458.297	18.000.000
7. Các khoản phải trả phải nộp NH khác	1.914.672.685	1.931.055.432
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.132.740.067	2.105.770.538
II. Nợ dài hạn	4.418.718.248	1.231.358.400
1. Vay và nợ dài hạn	4.380.358.000	1.231.358.400
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	38.360.248	

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2011 và năm 2012 của Công ty

Một số khoản nợ năm 2012 có sự biến động so với năm 2011 nhưng không lớn và Công ty vẫn kiểm soát tốt được các khoản nợ này.

Các khoản nợ chủ yếu:

Tổng nợ gia tăng chủ yếu là các khoản nợ không tính lãi là nợ nhà cung cấp và nợ khoản ứng trước của người mua, đây là đặc thù riêng của các doanh nghiệp chuyên về ngành xây dựng. Do đó các khoản nợ này không phải chịu lãi nên áp lực trả lãi của Công ty là không có.

Công ty không có khoản nợ xấu, khoản vay ngân hàng đến kỳ hạn được thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Vai trò hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được xác định rõ, hoạt động có trách nhiệm, góp phần hiệu quả trong quản lý điều hành Công ty.

- Công ty đã khẩn trương triển khai kế hoạch nghiêm túc, tổ chức, kiểm tra thực hiện sâu sát, thường xuyên rút kinh nghiệm để khắc phục các thiếu sót.

- Điều chỉnh, bổ xung các quy chế, quy định trong thi công xây dựng để quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tập trung vào công tác thị trường, tận dụng tối đa các thị trường truyền thống, cải tiến công tác thực hiện hợp đồng, giải ngân thanh toán, thi công hoàn thành, thanh toán dứt điểm từng công trình.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bảng 10: Tổng hợp thực hiện, kế hoạch SXKD từ năm 2012 - 2016

Đơn vị: triệu đồng

		2017		2018		
		2018		2019		
		2019		2020		
		2020		2021		
1	Vốn điều lệ	18.600	18.600	25.000	30.000	30.000
2	Tổng giá trị SXKD	99.121	83.196	95.675	110.026	126.530
3	Doanh thu	88.248	75.407	94.367	105.691	108.425
4	Lợi nhuận trước thuế	12.163	11.340	12.160	12.984	13.061
5	Tỷ suất LNTT/DT (%)	13,78	15,04	12,88	12,28	12,04
6	Tỷ suất LNTT/VĐL (%)	65,39	61,00	48,64	43,28	43,53
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	20	20	20	20	20

Biện pháp thực hiện:

+ Biện pháp về khai thác phát triển thị trường:

Nghiên cứu, lựa chọn các thị trường, các dự án khả thi, hiệu quả.

Đảm bảo chất lượng công trình, hạng mục công trình, đảm bảo đúng các cam kết khi thực hiện hợp đồng.

Duy trì và phát triển ngành nghề chính trên cơ sở phát huy hết khả năng sáng tạo và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của Doanh nghiệp.

+ Biện pháp về kế hoạch, quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

Làm tốt công tác xây dựng, triển khai, giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch, thực hiện tốt các quy chế, quy định, không ngừng hoàn thiện, cải tiến nâng cao các công cụ quản lý doanh nghiệp.

Tiếp tục duy trì thực hiện, hoàn thiện nâng cao quy định quản lý theo phương thức khoán trong thi công xây dựng công trình. Nghiên cứu từng bước cải tiến hoàn thiện các quy

định cho phù hợp với phương thức quản lý mới. Công trường phải xác định trách nhiệm cao hơn nữa để hoàn thành nhiệm vụ thi công theo hợp đồng xây lắp kể cả khi gặp khó khăn.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về nghiệm thu, thanh toán, bảo hành, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.

+ Biện pháp quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh:

Thực hiện quản lý tài chính theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định đã ban hành.

Tìm mọi biện pháp để tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo mức cổ tức trả cho cổ đông. Tích cực kịp thời trong khâu thanh toán, giải ngân đòi nợ để có vốn phục vụ cho sản xuất, hạn chế tối đa vay vốn ngân hàng. Quản lý tốt công nợ, không để nợ khó đòi hoặc dây dưa, nợ đọng. Bảo toán và phát triển vốn, tạo nề nếp tốt trong hạch toán kế toán và quản lý tài chính ở tất cả các cấp trong Công ty.

Chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc về tài chính, nộp ngân sách, thu, chi, tạm ứng, thanh toán, chế độ chứng từ kế toán, công khai tài chính..., tăng cường kiểm tra, kiểm soát trong mọi khâu.

+ Biện pháp tổ chức lao động, tiền lương:

Không ngừng hoàn thiện nâng cao tính khoa học, hợp lý của cơ cấu tổ chức bộ máy Doanh nghiệp, công tác tuyển dụng, quản lý lao động, trả lương, trả thưởng.

Tăng cường quản lý về số lượng, tay nghề và thu nhập đối với lao động ở công trường, nâng cao chất lượng tuyển dụng, sử dụng lao động một cách hiệu quả, chấm dứt hợp đồng lao động đối với những đối tượng không đáp ứng được các nhiệm vụ.

Thực hiện theo đơn giá tiền lương được duyệt, nghiên cứu để không ngừng tăng thu nhập cho người lao động.

+ Biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trang sản xuất kinh doanh:

Áp dụng các biện pháp để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp phù hợp với từng công trình và nơi xây dựng công trình như: tuân thủ các quy định về an toàn, tăng cường huấn luyện an toàn lao động, trang bị bảo hộ đầy đủ, thường xuyên kiểm tra an toàn. Phân đầu đảm bảo tuyệt đối về an toàn lao động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp thường kỳ đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được Giám đốc Công ty báo cáo để

Hội đồng quản trị xem xét và quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị đều được thông tin đầy đủ, kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

Năm 2012 kinh tế toàn cầu tiếp tục suy thoái, trong nước tỷ lệ lạm phát cao, việc cắt giảm đầu tư công đã làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Nhận thức đúng đắn tình hình chung cũng như tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị đã kiên định thực hiện những chủ trương kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời giám sát chặt chẽ và chỉ đạo một cách sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt mức kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

Trong bối cảnh nền kinh tế đất nước và ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn, Ban Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác thị trường có nhiều cố gắng tuy nhiên công tác thu hồi vốn còn nhiều hạn chế.

Các thành viên trong Ban giám đốc có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hành động vì lợi ích chung của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tiếp tục tuyển dụng sắp xếp và ổn định bộ máy tổ chức, chú trọng tuyển chọn các công nhân lao động lành nghề để nâng cao chất lượng đội ngũ công nhân.

Tập trung chỉ đạo việc thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và an toàn lao động tại các công trình theo hợp đồng đã ký kết, ưu tiên các công trình trọng điểm của Nhà nước.

Giải quyết nhanh, phù hợp và đúng luật các vấn đề bất cập về cơ chế quản lý, các yếu tố gây cản trở cho hoạt động của bộ máy điều hành.

Quan tâm chỉ đạo công tác khoán và hạch toán kinh doanh cùng với Ban giám đốc điều hành tập trung quyết các vấn đề liên quan đến cơ chế chính sách của Nhà nước, của ngành, liên quan đến lợi ích kinh tế của Công ty.

Chỉ đạo việc lập và phê duyệt các dự án đầu tư thiết bị mới phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Mở rộng hợp tác liên danh, liên kết với các đơn vị xây lắp nhằm nâng cao năng lực thi công và cạnh tranh.

Tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định quản lý của Công ty đặc biệt xây dựng và ban hành lại bộ đơn giá định mức nội bộ của Công ty cho phù hợp với các công việc đang thi công thực tế.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định quản lý do Đại hội đồng cổ đông ban hành và chấp hành các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra kiểm soát việc ra nghị quyết và thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc chấp hành các quy định của Pháp luật, các quy chế, quy định và Điều lệ hoạt động của Công ty.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: có 5 thành viên

Ông: Nguyễn Văn Bắc - chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty trực tiếp điều hành

Ông: Lục Đức Tiến - Thành viên HĐQT độc lập không trực tiếp điều hành

Ông: Nguyễn Văn Bảy - Thành viên HĐQT độc lập không trực tiếp điều hành

Ông: Nguyễn Văn Hãn - Thành viên HĐQT độc lập không trực tiếp điều hành

Ông: Phạm Việt Tiệp - Thành viên HĐQT trực tiếp điều hành

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Hội đồng quản trị:

+ Ông Nguyễn Văn Bắc: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

Thông tin như đã trình bày tại danh sách Ban điều hành Công ty

+ Ông Lục Đức Tiến: Thành viên Hội đồng quản trị

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 02/01/1962
3. Nơi sinh: Thôn Tường An – Văn An – Chí Linh - Hải Dương
4. Quê quán: Thôn Tường An – Văn An – Chí Linh - Hải Dương
5. Dân tộc: Kinh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú: phường Tân Thịnh – TP Hoà Bình – Hoà Bình
8. Chứng minh nhân dân số: 113361659, cấp ngày 04/04/2006 tại CA Hoà
9. Số điện thoại liên lạc: 0913473175
10. Trình độ văn hoá: 10/10
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1986 – 1990	Công ty XD công trình ngầm	Cán bộ kỹ thuật
1990 – 2001	Công ty XD công trình ngầm - Sông Đà 10	Trưởng phòng kỹ thuật
2001 – 2005	Công ty CP Sông Đà 10 – P Hoà Hiệp – Q. Liên Chiểu – Đà Nẵng	Phó Tổng giám đốc
2005 - đến nay	Công ty CP Sông Đà 10 - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội	Phó Tổng giám đốc

13. Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 12.000 cổ phần

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

16. Những người có liên quan: 0 cổ phần

+ Ông Nguyễn Văn Bẩy: Thành viên Hội đồng quản trị

1. Giới tính: Nam

2. Ngày sinh: 20/02/1958

3. Nơi sinh: Quảng Nghiệp - Tứ Kỳ - Hải Dương

4. Quê quán: Quảng Nghiệp - Tứ Kỳ - Hải Dương

5. Dân tộc: Kinh

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Địa chỉ thường trú: 20N3, ngõ 58, phố Triều Khúc, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

8. Chứng minh nhân dân số: 111658157 cấp ngày 28/05/2003 tại CA Hà Tây

9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.37683989

10. Trình độ văn hoá: 10/10

11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1982 – 1992	Công ty xây dựng công trình ngầm	Đội trưởng – kỹ sư trưởng
1993 – 2000	Công ty xây dựng công trình ngầm Sông Đà 10 - thủy điện YALy	Trưởng phòng vật tư

2001 – 2003	Công ty CP Sông Đà 10 – P. Hoà Hiệp – Q.Liên Chiểu - Đà Nẵng	Phó Tổng giám đốc
2003 – đến nay	Công ty CP Sông Đà 10 - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội	Phó tổng giám đốc

13. Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/12/2011: 12.000 cổ phần

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

16. Những người có liên quan: 0 cổ phần

+ Ông Nguyễn Văn Hân: Thành viên Hội đồng quản trị

1. Giới tính: Nam

2. Ngày sinh: 26/12/1962

3. Nơi sinh: Liêm Hải - Trục Ninh – Nam Định

4. Quê quán: Liêm Hải - Trục Ninh – Nam Định

5. Dân tộc: Kinh

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Địa chỉ thường trú: 405 - A3 - Làng quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội

8. Chứng minh nhân dân số: 012799627 cấp ngày 06/06/2005 tại CA Hà Nội

9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.37545291

10. Trình độ văn hoá: 10/10

11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1981 – 1983	Bộ quốc phòng	Bộ đội
1983 – 1987	Liên Xô	Đi học
1987 – 1993	Liên Xô	Phiên dịch
1993 – 2002	Hà Nội	Trưởng phòng kinh doanh
2002 - đến nay	Công ty TNHH máy Đồng Lợi	Giám đốc Công ty

13. Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 39.360 cổ phần

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

16. Những người có liên quan: 0 cổ phần

+ Ông Phạm Viết Tiếp: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng kinh tế kế hoạch

Thông tin như đã trình bày tại danh sách Ban điều hành Công ty

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đều tham gia đầy đủ. Nội dung của các cuộc họp: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012, phê duyệt kế hoạch chi phí quản lý doanh nghiệp, quy chế trả lương khối gián tiếp năm 2012. Thông qua báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận năm 2011, thông qua chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt tỷ lệ 20%/vốn điều lệ, phê duyệt đầu tư thêm tài sản cố định, lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012, kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2012, thống nhất thanh lý nhượng bán tài sản cố định đã hư hỏng, không có nhu cầu sử dụng. Phê duyệt đầu tư 154,8m² đất tại Dự án khu đô thị Đại Thanh - Thanh Trì - Hà Nội để xây dựng trụ sở văn phòng Công ty...

d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị có hai thành viên trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị đề ra chủ trương, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và chỉ đạo Ban giám đốc Công ty tổ chức thực hiện.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban mà phân công từng thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng phần công việc cụ thể như: phụ trách đầu tư, xây dựng cơ bản, tổ chức nhân sự, tài chính kế toán...

f. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

- Ông Nguyễn Văn Bắc

- Ông Lục Đức Tiên

- Ông Nguyễn Văn Bấy

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 03 thành viên sau đây:

- Ông Phạm Văn Phú - Trưởng ban kiểm soát, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,25%
- Ông Trần Đình Tú - TV Ban kiểm soát, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,20%
- Ông Đào Văn Thặng - TV Ban kiểm soát, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,85%

Tóm tắt lý lịch của Ban kiểm soát:

+ Ông Phạm Văn Phú: Trưởng ban kiểm soát

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 14 - 09 - 1972
3. Nơi sinh: Quang Minh – Gia Lộc - Hải Dương
4. Quê quán: Quang Minh – Gia Lộc - Hải Dương
5. Dân tộc: Kinh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú: 4A, tầng 10, nhà B17 tầng, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
8. Chứng minh nhân dân số: 013256953 cấp ngày 25/12/2009 tại Hà Nội
9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.37683994
10. Trình độ văn hoá: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng ngầm
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996 – 1999	Công trình XD Sông Đà 10 – CT thủy điện YALy – Gia Lai	Nhân viên
2000 – 2001	CN Công ty XD Sông Đà 10 tại miền Nam - thủy điện Cần Đơn - tỉnh Bình Phước	Phó phòng kinh tế - kỹ thuật
2002 – 2003	Công ty XD Sông Đà 10 – P. Hoà Hiệp – Q. Liên Chiểu - TP Đà Nẵng	Phó phòng Kinh tế kế hoạch
2004 - 2010	Công ty XD Sông Đà 10 - Mỹ Đình - Từ Liêm – Hà Nội	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch
2011 - đến nay	Công ty CP sản xuất vật liệu xây dựng Sông Đà 10 - Hà Nam	Giám đốc Công ty

13. Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 4.800 cổ phần
 14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 16. Những người có liên quan: 0 cổ phần

+ Ông Trần Đình Tú: Thành viên Ban kiểm soát

1. Giới tính: Nam
 2. Ngày sinh: 21/05/1972
 3. Nơi sinh: Gia Vượng – Gia Viễn – Ninh Bình
 4. Quê quán: Gia Vượng – Gia Viễn – Ninh Bình
 5. Dân tộc: Kinh
 6. Quốc tịch: Việt Nam
 7. Địa chỉ thường trú: P22+1-05 – CT1 - Mỹ Đình - Từ Liêm – Hà Nội
 8. Chứng minh nhân dân số: 013088680 cấp ngày 26/07/2008 tại CA Hà Nội
 9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.37683990
 10. Trình độ văn hoá: 12/12
 11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
4/1994 – 6/1997	Công ty Sông Đà 4	Nhân viên
6/1997 – 3/1999	Công ty Sông Đà 18	Nhân viên
3/1999 – 6/2003	Công ty Sông Đà 8	Nhân viên
6/2003 – 8/2007	Công ty CP Sông Đà 10	Nhân viên
8/2007 – 7/2010	Công ty CP Sông Đà 10	Phó kế toán trưởng
7/2010 - đến nay	Công ty CP Sông Đà 10	Kế toán trưởng

13. Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 3.840 cổ phần
 14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 16. Những người có liên quan: 0 cổ phiếu

+ Ông Đào Văn Thặng: Thành viên BKS kiêm Trưởng phòng Vật tư cơ giới

Thông tin như đã trình bày tại danh sách Ban điều hành Công ty

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tổ chức họp Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ, hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát đã xem xét, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm 2012 và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tính chính xác, trung thực về tình hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Ban kiểm soát đã có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý.

Bảng 11: Bảng tổng hợp thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
1	Ông Nguyễn Văn Bắc	Chủ tịch HĐQT kiêm GD	54.000.000	299.136.000	900.000
2	Ông Lục Đức Tiến	Thành viên HĐQT	43.200.000	.	.
3	Ông Nguyễn Văn Bấy	Thành viên HĐQT	43.200.000	-	-
4	Ông Nguyễn Văn Hãn	Thành viên HĐQT	43.200.000	-	-
5	Ông Phạm Việt Tiệp	Thành viên HĐQT kiêm TP. KTKH	43.200.000	165.660.000	900.000
6	Ông Tăng Bá Thành	Phó Giám đốc	-	216.000.000	900.000
7	Ông Bùi Việt An	Phó Giám đốc	-	216.000.000	900.000
8	Ông Phạm Văn Phú	Trưởng BKS	37.800.000	-	-
9	Ông Trần Đình Tú	Thành viên BKS	32.400.000	-	-
10	Ông Đào Văn Thặng	Thành viên BKS	32.400.000	165.660.000	900.000
11	Bà Nguyễn Thị Sen	Kế toán trưởng kiêm thư ký HĐQT	32.400.000	216.000.000	900.000
	Cộng		361.800.000	1.278.456.000	5.400.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Bảng 12: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

TT	Họ và tên	Chức danh	Mối quan hệ	Giao dịch	Số lượng
1	Ông Phạm Việt Tiệp	Thành viên HĐQT		Mua	8.040
2	Bà Nguyễn Thị Sen	Kế toán trưởng		Mua	2.640
3	Bà Lưu Thị Mến		Người có liên quan	Bán	6.120
4	Ông Phạm Mạnh Cường		Người có liên quan	Bán	2.640

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d. Việc thực hiện các qui định về quản trị Công ty: Tốt

VI. Báo cáo tài chính

Đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 là Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

1. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 15 tháng 01 năm 2013 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo .

Trách nhiệm của Ban giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban giám đốc tại trang 02 và 03, Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Ban giám đốc Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 đã:

a. Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;

b. Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

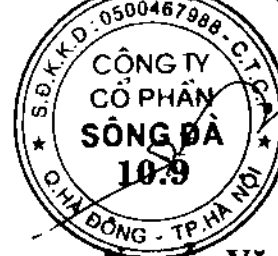
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán: được công bố trên website của Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 địa chỉ: songda109.com.vn

Nơi nhận:

- UBCK nhà nước
- Website Công ty
- Lưu HĐQT

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10.9

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Bắc